

ĐỀ THI & KIỂM TRA

Đề kiểm tra giữa học kỳ I Ngữ văn 9 – đọc hiểu và viết

Môn: **Ngữ văn** Lớp 9 Bộ sách: **Kết nối tri thức với cuộc sống** Thời gian: **90 phút / đề**

Dành cho: **Học sinh, Phụ huynh, Gia sư**

Tài liệu do Gia Sư HCM tự biên soạn · giasuhcm.vn · Dùng cho học tập cá nhân, không bán lại.

Hướng dẫn sử dụng. Tài liệu gồm 2 đề kiểm tra giữa học kỳ I môn Ngữ văn 9, mỗi đề làm trong 90 phút, thang điểm 10. Cấu trúc mỗi đề: **Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)** gồm 6 câu trắc nghiệm và 4 câu trả lời ngắn; **Phần II. Viết (6,0 điểm)** gồm 1 đoạn văn khoảng 200 chữ và 1 bài văn nghị luận. Phạm vi kiến thức bám theo nửa đầu học kỳ I lớp 9 (Chương trình GDPT 2018): truyện có yếu tố kì ảo (truyện truyền kì), thơ song thất lục bát, kiến thức tiếng Việt về từ Hán Việt và biện pháp tu từ, viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết. Gia sư có thể điều chỉnh theo tiến độ dạy học thực tế của từng trường.

ĐỀ SỐ 1

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề.

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

CHIẾC ĐÈN DẦU Ở BẾN SÔNG

Ngày trước, ở làng Vân Thủy có chàng trai tên Hòa, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, sống bằng nghề chèo đò qua sông. Hòa nghèo nhưng thật thà, ai nhờ việc gì cũng giúp, chưa từng lấy của ai một đồng tiền đò thừa.

Một đêm cuối thu, mưa gió kéo về dữ dội. Hòa vừa định buộc thuyền thì thấy một ông lão râu tóc bạc phơ đứng run rẩy trên bến, xin được sang sông nhưng không có tiền. Sóng lớn, thuyền nhỏ, Hòa vẫn chống sào đưa ông qua. Lên tới bờ bên kia, ông lão lấy trong tay nải ra một chiếc đèn dầu bằng đồng, trao cho Hòa và dặn:

– Đèn này không cần dầu. Nó chỉ sáng khi người cầm nó nói lời thật. Hễ dối một câu, đèn sẽ tắt. Con hãy giữ lấy mà dùng vào việc ngay.

Nói xong, ông lão bước vào màn mưa rồi tan đi như một làn khói trắng. Hòa đứng lặng hồi lâu, tay cầm chiếc đèn ấm như vừa được ai thấp.

Từ đó, đêm nào Hòa cũng treo đèn ở mũi thuyền. Ánh đèn vàng dịu soi rõ từng con sóng, khách đi đêm không còn sợ lạc bến. Làng có chuyện tranh chấp, người ta lại kéo đến nhờ Hòa mang đèn ra: ai cầm đèn mà nói thật thì đèn sáng rực, ai nói sai thì đèn phụt tắt. Nhờ vậy, nhiều mối bất hòa trong làng được gỡ bỏ.

Tiếng lành đồn xa, đến tai viên quan huyện vốn nổi tiếng tham lam. Hắn sai lính đến đoạt chiếc đèn, định đem về công đường để khoe với quan trên rằng mình là người thanh liêm, được trời ban vật báu. Hôm quan trên về huyện, trước mặt đông đủ dân chúng, viên quan nâng đèn lên, dõng dạc nói: "Bản quan làm quan mười năm, chưa từng nhận của dân một đồng nào." Lời vừa dứt, đèn phụt tắt, khói đen bốc lên mù mịt. Dân chúng cười ồ. Quan trên cho tra xét, quả nhiên lôi ra cả một kho của cải viên quan đã vơ vét.

Chiếc đèn được trả về cho Hòa. Người làng kể rằng, sau khi Hòa mất, những đêm rằm trên khúc sông ấy vẫn thấy một đốm sáng vàng dịu trôi chậm chậm, như có ai còn đang đưa khách sang sông.

Ngữ liệu: Gia Sư HCM biên soạn

Trắc nghiệm (1,5 điểm – mỗi câu 0,25 điểm). Chọn phương án đúng.

1. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất, người kể là Hòa	B. Ngôi thứ ba
C. Ngôi thứ nhất, người kể là ông lão	D. Ngôi thứ hai
2. Chi tiết nào sau đây là yếu tố kì ảo?

A. Hòa mồ côi cha mẹ từ nhỏ	B. Đêm cuối thu mưa gió dữ dội
C. Viên quan huyện sai lính đoạt đèn	D. Ông lão tan đi như một làn khói trắng
3. Vì sao Hòa vẫn đưa ông lão sang sông dù sóng lớn và ông không có tiền?

A. Vì Hòa tốt bụng, thương người gặp khó khăn	B. Vì Hòa biết ông lão là thần tiên
C. Vì Hòa muốn được tặng chiếc đèn	D. Vì quan huyện ra lệnh cho Hòa
4. Từ Hán Việt "thanh liêm" trong văn bản có nghĩa là gì?

A. Giàu có, sung túc	B. Nghiêm khắc, cứng rắn
C. Trong sạch, không tham của người khác	D. Thông minh, giỏi giang
5. Câu văn "Ông lão bước vào màn mưa rồi tan đi như một làn khói trắng" sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh	B. Nhân hóa
C. Điệp ngữ	D. Nói quá
6. Nội dung nào thể hiện đúng nhất thông điệp của văn bản?

A. Người nghèo không nên giúp đỡ người lạ	B. Vật báu chỉ dành cho người có quyền lực
C. Sự trung thực được trân trọng, sự dối trá sẽ bị phơi bày	D. Nghề chở đò là nghề vất vả nhất

Trả lời ngắn / tự luận (2,5 điểm).

7. (0,5 điểm) Chỉ ra một chi tiết cho thấy chiếc đèn mang lại lợi ích cho dân làng.
8. (0,5 điểm) Em có nhận xét gì về nhân vật Hòa?

9. (0,75 điểm) Chi tiết "Lời vừa dứt, đèn phụt tắt, khói đen bốc lên mù mịt" có ý nghĩa gì trong việc thể hiện nội dung truyện?
10. (0,75 điểm) Từ văn bản, em rút ra bài học gì cho bản thân? Trình bày trong khoảng 5–7 dòng.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích ý nghĩa của yếu tố kì ảo "chiếc đèn chỉ sáng khi người cầm nó nói lời thật" trong văn bản *Chiếc đèn dầu ở bến sông*.

Câu 2 (4,0 điểm). Trong trường học, có không ít học sinh chép bài của bạn khi làm bài kiểm tra hoặc sao chép lời giải trên mạng khi làm bài tập về nhà. Hãy viết bài văn nghị luận bàn về vấn đề này và đề xuất những giải pháp khả thi để khắc phục.

ĐỀ SỐ 2

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề.

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

CHIỀU QUÊ

Chiều xuống chậm bên dòng kênh nhỏ,
 Gió đưa hương lúa ngỗ quê nhà.
 Mẹ ngồi vá áo hiên xa,
 Đường kim mũi chỉ thướt tha nắng vàng.
 Con xa quê, ngỡ ngang phố lạ,
 Nhớ hiên nhà, chiều ngả bóng tre.
 Nhớ dòng kênh nhỏ trưa hè,
 Nhớ bàn tay mẹ chở che tháng ngày.
 Mai con về, nắm tay mẹ nhé,
 Kể mẹ nghe, con trẻ vững vàng.
 Trong tim vẫn một xóm làng,
 Vẫn dòng kênh nhỏ, vẫn hàng tre xanh.
 Ngữ liệu: Gia Sư HCM biên soạn

Trắc nghiệm (1,5 điểm – mỗi câu 0,25 điểm). Chọn phương án đúng.

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- | | |
|----------------------|----------------|
| A. Lục bát | B. Thơ bảy chữ |
| C. Song thất lục bát | D. Thơ tự do |

2. Mỗi khổ thơ trong bài gồm các dòng có số chữ lần lượt là:

- | | |
|------------------|------------------|
| A. 7 – 7 – 6 – 8 | B. 6 – 8 – 6 – 8 |
| C. 7 – 7 – 7 – 7 | D. 8 – 6 – 7 – 7 |

3. Trong khổ thơ thứ nhất, chữ "xa" ở cuối dòng thứ ba hiệp vần với chữ nào?

- | | |
|-----------|----------|
| A. "nhỏ" | B. "lúa" |
| C. "vàng" | D. "nhà" |

4. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

- | | |
|------------------------------|-------------------------------|
| A. Người mẹ ở quê | B. Người con đang sống xa quê |
| C. Một người khách qua đường | D. Những người bạn cùng làng |

5. Biện pháp tu từ nổi bật trong khổ thơ thứ hai là gì?

- | | |
|-------------------|-----------------------|
| A. Điệp ngữ "Nhớ" | B. Nói giảm nói tránh |
| C. Hoán dụ | D. Chơi chữ |

6. Từ "vững vàng" trong dòng thơ "Kể mẹ nghe, con trẻ vững vàng" có nghĩa là gì?

- | | |
|-------------------------|------------------------------------|
| A. Nhanh nhẹn, hoạt bát | B. Giàu có, đầy đủ |
| C. Cao lớn, khỏe mạnh | D. Chắc chắn, không dễ bị lung lay |

Trả lời ngắn / tự luận (2,5 điểm).

7. (0,5 điểm) Tìm hai hình ảnh thiên nhiên làng quê được nhắc đến trong bài thơ.

8. (0,5 điểm) Hình ảnh người mẹ hiện lên qua những chi tiết nào trong bài thơ?

9. (0,75 điểm) Nêu tác dụng của điệp ngữ "Nhớ" trong khổ thơ thứ hai.

10. (0,75 điểm) Hai dòng thơ "Trong tim vẫn một xóm làng, / Vẫn dòng kênh nhỏ, vẫn hàng tre xanh" gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm của con người với quê hương? Trình bày trong khoảng 5–7 dòng.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm nghĩ của em về khổ thơ thứ hai của bài thơ *Chiều quê*.

Câu 2 (4,0 điểm). Nhiều học sinh hiện nay thường thức khuya để lướt điện thoại, xem video ngắn hoặc chơi trò chơi điện tử, dẫn đến thiếu ngủ và mệt mỏi khi đến lớp. Hãy viết bài văn nghị luận bàn về vấn đề này và đề xuất giải pháp khả thi.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Giáo viên/gia sư chấm theo tiêu chí, linh hoạt; khuyến khích những bài viết có suy nghĩ riêng, hợp lí. Ý trong đáp án là gợi ý, học sinh diễn đạt khác nhưng đúng vẫn cho điểm.

ĐỀ SỐ 1

Phần I. Đọc hiểu

1. B	2. D	3. A	4. C	5. A	6. C
------	------	------	------	------	------

Câu 7 (0,5 điểm). Nêu đúng một chi tiết: đèn treo ở mũi thuyền soi rõ sóng, khách đi đêm không sợ lạc bến; hoặc đèn giúp làng phân xử tranh chấp, gỡ bỏ nhiều mối bất hòa. (Nêu đúng 1 chi tiết: 0,5 điểm.)

Câu 8 (0,5 điểm). Hòa là người nghèo nhưng thật thà, tốt bụng, giàu lòng thương người, không vụ lợi (chở ông lão giữa đêm mưa bão dù không có tiền đò; dùng đèn để giúp dân làng). Nêu được 2 phẩm chất có dẫn chứng: 0,5 điểm; nêu 1 phẩm chất: 0,25 điểm.

Câu 9 (0,75 điểm). – Chi tiết vạch trần lời nói dối của viên quan tham ngay trước mặt dân chúng (0,25 điểm).
– Thể hiện quan niệm "ở hiền gặp lành, ác giả ác báo", cái thiện thắng cái ác, sự thật không thể che giấu (0,25 điểm).
– Thể hiện thái độ phê phán quan lại tham nhũng, ước mơ về công lí của nhân dân (0,25 điểm).

Câu 10 (0,75 điểm). Học sinh nêu được bài học hợp lí, ví dụ: sống trung thực, nói lời thật; giúp đỡ người khác không mong đền đáp; không tham lam, gian dối vì sớm muộn sự thật cũng được phơi bày. Có liên hệ bản thân cụ thể (trong học tập, trong quan hệ bạn bè). Bài học rõ, có liên hệ: 0,75 điểm; bài học chung chung: 0,25–0,5 điểm.

Phần II. Viết

Câu 1 (2,0 điểm) – Đoạn văn phân tích yếu tố kì ảo.

Tiêu chí	Điểm
Đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 200 chữ	0,25
Xác định đúng vấn đề: ý nghĩa của chi tiết chiếc đèn chỉ sáng khi người cầm nói thật	0,25
Triển khai vấn đề (xem gợi ý bên dưới)	1,0
Chính tả, ngữ pháp, dùng từ	0,25

Sáng tạo: cách diễn đạt mới mẻ, có liên hệ phù hợp

0,25

Gợi ý triển khai:

- Giới thiệu chi tiết: chiếc đèn do ông lão (nhân vật kì ảo) tặng Hòa, không cần dầu, sáng khi nói thật, tắt khi nói dối.
- Ý nghĩa về cốt truyện: tạo sự hấp dẫn, li kì; là đầu mối để Hòa giúp dân làng và để viên quan tham bị lật tẩy.
- Ý nghĩa về nội dung: chiếc đèn là biểu tượng của sự thật, lẽ phải; khẳng định giá trị của lòng trung thực; phê phán sự dối trá, tham lam.
- Thể hiện ước mơ của nhân dân về một công cụ công bằng giúp phân biệt đúng sai, bảo vệ người lương thiện.
- Đánh giá: chi tiết kì ảo giàu tính nhân văn, làm nổi bật thông điệp của truyện.

Câu 2 (4,0 điểm) – Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết: tình trạng học sinh chép bài, sao chép lời giải.

Tiêu chí	Điểm
Đảm bảo cấu trúc bài văn (mở bài, thân bài, kết bài)	0,25
Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
Triển khai luận điểm: thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp; lí lẽ chặt chẽ, dẫn chứng xác thực	2,5
Chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết câu	0,5
Sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc, giải pháp cụ thể, cách diễn đạt riêng	0,5

Dàn ý gợi ý:

Mở bài: Nêu vấn đề: việc chép bài của bạn, sao chép lời giải trên mạng đang xuất hiện ở nhiều lớp học; đây là vấn đề cần được nhìn nhận nghiêm túc.

Thân bài:

- Giải thích: "chép bài", "sao chép lời giải" là lấy kết quả của người khác làm thành kết quả của mình mà không tự suy nghĩ, không ghi nguồn.
- Thực trạng: chụp lời giải từ ứng dụng; chép bài của bạn trong giờ kiểm tra; bài tập về nhà giống hệt nhau; một số bạn xem đó là chuyện bình thường.
- Nguyên nhân: lười suy nghĩ, hổng kiến thức; áp lực điểm số; quá nhiều công cụ cho kết quả nhanh; kiểm tra, đánh giá đôi khi chỉ chú trọng đáp số.
- Hậu quả: kiến thức hổng ngày càng lớn; mất khả năng tự học, tư duy độc lập; hình thành thói quen gian dối; điểm số không phản ánh đúng năng lực, khiến thầy cô, cha mẹ khó giúp đỡ kịp thời.
- Giải pháp khả thi:
 - Với học sinh: hiểu rằng điểm số chỉ có ý nghĩa khi là kết quả thật; dùng lời giải mẫu để đối chiếu *sau khi* đã tự làm; hỏi thầy cô, bạn bè khi chưa hiểu; lập nhóm học tập để giải thích

cho nhau.

– Với thầy cô: ra bài tập yêu cầu trình bày cách nghĩ, vận dụng thực tế; ghi nhận sự tiến bộ, không chỉ điểm số.

– Với gia đình: trò chuyện, động viên con, giảm áp lực thành tích.

6. Phản đề: một số người cho rằng xem lời giải giúp học nhanh hơn – đúng nếu dùng để tự kiểm tra, sai nếu thay cho việc suy nghĩ.

Kết bài: Khẳng định trung thực trong học tập là nền tảng của sự tiến bộ; nêu cam kết hành động của bản thân.

ĐỀ SỐ 2

Phần I. Đọc hiểu

1. C	2. A	3. D	4. B	5. A	6. D
------	------	------	------	------	------

Câu 7 (0,5 điểm). Nêu đúng 2 trong các hình ảnh: dòng kênh nhỏ, hương lúa, gió, nắng vàng, bóng tre / hàng tre xanh. Mỗi hình ảnh đúng 0,25 điểm.

Câu 8 (0,5 điểm). Người mẹ "ngồi vá áo hiên xa", "đường kim mũi chỉ thướt tha nắng vàng", "bàn tay mẹ chở che tháng ngày" → người mẹ tần tảo, chịu thương chịu khó, luôn yêu thương, che chở con.

Câu 9 (0,75 điểm). – Điệp ngữ "Nhớ" lặp lại ba lần ở đầu dòng (0,25 điểm).

– Nhấn mạnh nỗi nhớ da diết, liên tiếp của người con với hiên nhà, dòng kênh, bàn tay mẹ (0,25 điểm).

– Tạo nhịp điệu tha thiết, tăng sức biểu cảm cho đoạn thơ (0,25 điểm).

Câu 10 (0,75 điểm). Gợi ý: dù đi xa, quê hương vẫn luôn ở trong tim mỗi người; quê hương là cội nguồn nuôi dưỡng tâm hồn, là chỗ dựa tinh thần; con người cần biết trân trọng, gìn giữ tình cảm với quê hương, gia đình. Có suy nghĩ riêng, diễn đạt rõ: 0,75 điểm.

Phần II. Viết

Câu 1 (2,0 điểm) – Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về khổ thơ thứ hai. Chấm theo các tiêu chí như Câu 1 Đề số 1 (hình thức 0,25; vấn đề 0,25; triển khai 1,0; chính tả 0,25; sáng tạo 0,25).

Gợi ý triển khai:

– Hoàn cảnh: người con rời quê lên phố, "ngõ ngang phố lạ" – cảm giác bơ vơ, lạc lõng.

– Nỗi nhớ cụ thể: hiên nhà, bóng tre, dòng kênh trưa hè, bàn tay mẹ – những hình ảnh bình dị, thân thuộc.

– Nghệ thuật: điệp ngữ "Nhớ", thể song thất lục bát với nhịp thơ tha thiết, vần "lạ – ngả",

"tre – hè – che" liền mạch.

– Cảm nghĩ của em: xúc động trước tình cảm gắn bó với quê và mẹ; liên hệ bản thân.

Câu 2 (4,0 điểm) – Bài văn nghị luận về vấn đề học sinh thức khuya dùng điện thoại, thiếu ngủ. Chấm theo các tiêu chí như Câu 2 Đề số 1.

Dàn ý gợi ý:

Mở bài: Giới thiệu vấn đề: thói quen thức khuya với điện thoại khiến nhiều học sinh thiếu ngủ.

Thân bài:

1. Thực trạng: học xong vẫn cầm điện thoại "xem thêm một chút" rồi kéo dài đến khuya; ngủ gật trong lớp, đi học muộn, khó tập trung.
2. Nguyên nhân: nội dung video ngắn, trò chơi được thiết kế để giữ chân người xem; thiếu kỹ năng quản lý thời gian; dùng điện thoại để giải tỏa áp lực; gia đình chưa có quy ước sử dụng thiết bị.
3. Hậu quả: sức khỏe giảm sút (mỏi mắt, đau đầu, dễ cáu gắt); kết quả học tập đi xuống; ít thời gian cho gia đình, thể thao; dễ tiếp xúc nội dung không phù hợp.
4. Giải pháp khả thi:
 - Học sinh: đặt giờ ngủ cố định; để điện thoại ngoài phòng ngủ hoặc bật chế độ giới hạn thời gian; thay thói quen lướt mạng bằng đọc sách, vận động nhẹ trước khi ngủ.
 - Gia đình: cùng con xây dựng quy ước dùng thiết bị, làm gương cho con.
 - Nhà trường: tổ chức các buổi sinh hoạt về sức khỏe, kỹ năng dùng mạng an toàn.
5. Mở rộng: điện thoại không có lỗi, quan trọng là cách sử dụng hợp lý.

Kết bài: Khẳng định giấc ngủ đủ là nền tảng của sức khỏe và học tập; kêu gọi bạn bè cùng thay đổi.